

Mùa xuân nói chuyện... mê gái

Vũ vô kiêm tởa năng lưu khách
Sắc bất ba đào dị nịch nhân
(Nguyễn Giản Thanh)

Tuổi Xuân, tuổi người

Người ta thường ví một đời người như bốn mùa xuân hạ thu đông. Vì vậy, mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, mùa của yêu đương. Từ yêu đương mà đâm ra mê thì đâu có bao xa!

Đầu đề tôi viết là mê gái, mê vợ, nhưng có lẽ nào lại không có chuyện mê trai, mê chồng. Có điều lạ, trong lịch sử cũng như trong văn học, trong đời thường, đàn ông, con trai mê gái nhiều hơn đàn bà, con gái mê chồng, mê trai.

Vậy thì bây giờ, nói cái gì trước, về phái nam hay phái nữ?

Nếu nói về đàn bà, trước hết xin nhắc đến câu ca dao:

*“Tay mang khăn gói sang sông,
Mẹ kêu mẹ theo chồng cứ theo.”*

Sự kiện này, không hẳn chỉ có một mình cô gái trong câu ca dao nói trên, mà hầu như gần hết cô nào, bà nào cũng vậy. Nghe theo tiếng gọi của chồng là bỏ nhà, bỏ mẹ, có khi đi không quay mặt ngoáy lưng nữa. Thế có phải là ... mê trai???

Người con gái VN khá lãng mạn. Này nhé: “Thương nhau cởi áo cho nhau, Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.” Ở cái xã hội xưa, nặng lễ giáo mà dám cởi áo cho.. trai, huống chi đời bây giờ thì sao?

Trong lịch sử nước ta (VN), người đầu tiên mê trai là ai?
Là Công chúa Tiên Dung đấy.

Cô là con vua Hùng Vương thứ 3, đi chơi tới một khúc sông, thấy cảnh đẹp và buồn tình lên bãi cát bên sông tắm chơi. Các con hầu vây màn, che kín cho công chúa tắm. Nước sông trong mát, thế là công chúa dội ào ào vào mình. Nước làm cát trôi đi, làm lộ ra anh chàng đánh cá Chử Đồng Tử đang phủ cát trên mình, trốn ở dưới. Tuy hoảng hồn, như công chúa Tiên Dung cũng đủ bình tĩnh hỏi ra có sự. Hồi xưa trai gái gặp nhau đã khó, huống chi gặp nhau trong cảnh ai nấy cũng A-Dong và E-Và. Thế rồi Tiên Dung bảo đây là duyên trời định, bèn chọn Chử Đồng Tử làm chồng, và dựng nhà ngay ở bờ sông ấy mà sống với người mới.

Nhà vua gọi, Tiên Dung không chịu về. Vua cho quân lính đến bắt, chuyện xảy ra lung tung cả lên, để rồi cuối cùng, hai người cùng bay lên cõi tiên (xem phụ lục).

Câu chuyện này có vài điều vượt khỏi luân lý ngày trước. Công chúa Tiên Dung tự ý chọn chồng mà không hỏi ý kiến cha mẹ, nói chi tới việc xin xỏ phép tắc. Lấy nhau mà chẳng cưới hỏi gì cả, “ba miếng trầu” cũng không là điều trái phong tục, lễ nghĩa. Cha mẹ gọi không về! Không về, nếu không phải là mê trai thì là còn cái gì nữa đây???

Trong lịch sử nước ta, đâu phải chỉ có một mình công chúa Tiên Dung! My Châu nặng tội hơn nhiều. Cũng vì mê Trọng Thủy, My Châu lén lấy nõ thần đưa cho chồng xem. Anh chàng “tình báo nam nhân kế” bèn thay cái lẫy nõ thật móng thần kim qui bằng cái giả, khiến Thục Phán mất nước về tay Triệu Đà.

Ngày nay, đôi khi chúng ta nghe câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan “*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*” hay Nguyễn Khuyến hỏi “*Ấy hôn Thục Đế chết bao giờ?*” không mấy ai nghĩ tới việc My Nương vô tình giết cha, làm gia đình tan nát, làm nước mất về tay giặc bên chồng hay sao?!

Người ta thường tranh cãi việc người đàn bà đã mê chồng nhưng ít thấy họ thiếu thủy chung. Chuyện Dương Quý Phi chẳng hạn. Có thể Dương Quý Phi yêu vua Đường Minh Hoàng nhiều lắm chứ, yêu thêm Lý Bạch, lại yêu luôn cả An Lộc Sơn, nên mới có cái loạn An Lộc Sơn?

Bao Tự có khác chi?

Châu U Vương mê Bao Tự đến nỗi cho phóng hỏa trên núi Cam Tuyền. Thế nhưng Bao Tự có thủy chung với Châu U Vương đâu? Tây Thi của Ngô Phù Sai, lại bỏ theo Phạm Lãi sau khi ngại vàng Ngô Phù Sai sụp đổ. Còn như “con Điêu Thuyền” (tiếng gọi của mấy bà ưa đọc truyện

xưa) thì quá lắm. Trong khi làm vợ Đổng Trác, lại liếc mắt đưa tình với Lữ Bố, khiến cha con giết nhau. Có người bênh vực, cho rằng Điều Thuyền “hoàn thành xuất sắc” cái nhiệm vụ được giao đấy!

“Quốc sắc Thiên hương”
(Sắc đẹp đàn bà con gái)

Văn chương không thiếu những câu tán tụng sắc đẹp đàn bà con gái.

*Quốc sắc triêu hàm tửu
Thiên hương dạ nhiễm y*

Có nghĩa là “Sắc nước sáng say rượu. Hương trời tối ướt áo”.
Diễn tích về người đẹp thì như trong Cung Oán Ngâm Khúc viết:

*Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn
Lửng da trời nhận ngân ngơ sa
Hương trời đắm nguyệt say hoa
Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình*

Câu thứ nhất thứ nhì là “Chim sa, cá lặn”, câu thứ ba là “nguyệt then, hoa nhường”. Câu cuối có nghĩa là đẹp hơn cả Tây Thi, Hằng Nga.

Nụ cười của Bao Tự hay của giai nhân làm tổn không biết bao nhiêu giấy mực:

Thơ Vương Tăng Nhu vịnh người hầu yêu: “*Nhất tiểu thiên kim mĩ*” có nghĩa là “một nụ cười nghìn lạng vàng cũng mua”.

“Nhất tiểu khuynh quốc, tái tiểu khuynh thành”. Cười một cái thì làm “ngiêng nước”. Cười lần nữa thì “ngiêng thành”, người ta thường gọi tắt là “Nghiêng nước, nghiêng thành”.

Sắc đẹp làm cho “ngiêng nước nghiêng thành” mà người đời ca ngợi, có hay ho gì đâu? Đó là thói đa tình, cái đa tình chỉ làm hư thiên hạ. Người xưa họ cũng biết đấy chứ: “*Khuynh quốc khuynh thành vị đa tình*” (Nghiêng nước nghiêng thành bởi thói đa tình)

Biết thì biết vậy mà bỏ thì không bỏ được. Thành ra, “*Tự cổ mỹ nữ danh họa thủy*” (Từ xưa người con gái đẹp đều là mối tai họa).

Cái đẹp của người đàn bà, và cái giỏi của người đàn ông gần nhau mà kết quả ngược nhau: Kinh thi có câu:

Triết phu thành thành, Triết phụ khuynh thành.

Nghĩa là: Người đàn ông giỏi dựng nên một thành trì, người đàn bà đẹp làm nghiêng đổ thành trì.

&

Hồi còn nhỏ, nhỏ lắm, nhà tôi ở cạnh bệnh viện Quảng Trị, tôi từng thấy một anh thanh niên bị bệnh điên. Người ta bảo anh ấy bị sa tình. Sa tình là cái gì? Là sa vào đường tình ái, rồi thất tình nên phát bệnh điên. Tôi không tin điều ấy. Nhưng khi lớn lên, đọc lịch sử, lịch sử văn học, tôi thấy nhiều người, phần nhiều là đàn ông, mê gái còn hơn bị bệnh điên nữa, yêu hay mê đến nỗi xiêu đổ thành quách, đến nỗi mất nước mất nhà thì không là điên hay sao, hay còn tệ hại hơn cả điên, hơn cả “đem tiền cho gái có đòi được không?” Mất tiền là còn nhẹ quá. Trong lịch sử, người ta còn “nặng” hơn nhiều.

Số đàn ông mê gái thì đông hơn mà cũng khủng khiếp hơn. Người ta có thể điểm mặt từng người trong sách sử:

Vua Châu U Vương mê Bao Tự chẳng hạn.

1)- *Châu U Vương “nước mất nhà tan” vì Bao Tự:*

U Vương nhà Tây Chu vì mê Bao Tự đến nỗi mất mạng, mất nước. Dĩ nhiên, Bao Tự là một giai nhân, tuy không được liệt vào “tứ đại mỹ nhân” của Tàu.

Trong văn học Tàu có câu “Nhất tiểu thiên kim”, có nghĩa là nụ cười đáng giá ngàn vàng cũng chưa nói hết cái tai hại của nụ cười Bao Tự. Còn như câu “Nhất tiểu khuynh quốc, tái tiểu khuynh thành” (cười làm nghiêng nước, nghiêng thành) thì cũng xứng với nụ cười Bao Tự.

Bao Tự ít khi cười, mà khi đã cười thì làm mê mẩn tâm thần ông vua nhà Chu. Vì vậy, ông Châu U vương bèn tìm cách làm cho Bao Tự vui, Bao Tự cười.

Trong Tỳ Bà Hành có câu “*Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước, Ngựa sắt rong, sà sạt tiếng đao, Cung đàn lựa khúc tiêu tao, Tiếng buông xé*”

lụa, lụa vào bốn dây” là nói tới nụ cười Bao Tự. Đó là việc thứ nhất, Châu U vương cho xé lụa từng cây làm cho Bao Tự cười. Tiếng lụa bị xé vang lên nghe như tiếng đàn.

Thứ hai là khói báo tin có giặc. Trong Chinh Phụ Ngâm có câu: “*Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây*” (Trống Trường thành lung lay bóng nguyệt, Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây) là việc Châu U Vương đốt lửa trên “Phong hỏa đài”.

Phong hỏa đài là một phương tiện thông tin ngày xưa, để báo cho chư hầu biết kinh đô có giặc. Một hôm U Vương cho đốt khói lên, chư hầu tưởng có loạn kéo quân về cứu giá. Té ra đó chỉ là việc vua nhà Châu gạt chư hầu cho Bao Tự cười vui. Cái trò chơi đại dột ấy làm cho chư hầu tức giận. Về sau, khi giặc có thật, vua đốt khói trên Phong hỏa đài, chư hầu cứ nghĩ rằng vua lại gạt, nên không đem quân về, để cho U Vương nhà Chu bị giặc giết chết ở núi Ly. Bao Tự thuộc về tay rợ Khuyển Nhung, cuối cùng thất cổ tự tận, xong một đời khuyh quốc khuyh thành.

2)- *Hán Nguyên Đế giữ được giang sơn nhà Hán, nước Tàu được yên nhờ có Chiêu Quân*

Chiêu Quân còn gọi là Vương Tường, Vương Chiêu Quân, một trong “tứ đại mỹ nhân”. Cái đẹp của Chiêu Quân thuộc hàng “chim sa” trong thành ngữ “chim sa cá lặn”, Tàu gọi là “trầm ngư lạc nhạn”. Trong “Cung Oán Ngâm Khúc” có câu “Lững da trời nhạn ngẩn ngư sa” là mượn điển tích này.

Sách cũ viết rằng khi Chiêu quân sang đất Hồ, ngang qua một sa mạc lớn, lòng buồn vì thân phận, vì xa quê, đang ngồi trên lưng ngựa, Chiêu quân bèn gảy bản đàn tên “Xuất tái khúc”. Tiếng đàn hay đến nỗi con ngỗng trời đang bay ngang qua, nghe tiếng đàn mà ruột gan đứt đoạn, sa xuống đất chết. Đó là điển tích “lạc nhạn”

Hồ Hán Tà là vua xứ Hung Nô dọa đem quân đánh phá nước Tàu, nếu vua Tàu không gả cho y một công chúa. Thay vì gả công chúa, vua Nguyên Đế nhà Hán gả cho y 5 cung nữ, dĩ nhiên, cung nữ thì không ai xấu bao giờ. Thấy vua Hán lấy 5 mà đổi 1, y bằng lòng. Một trong năm cung nữ, có Vương Tường.

Tuy nhiên, trường hợp Chiêu Quân có nhiều oan trái hơn.

Chiêu Quân vốn có sắc đẹp tuyệt hạng, lại có tài đàn hay hát giỏi. Vì vậy, khi được tuyển vào cung, Chiêu Quân không chịu dứt tiền hồi lộ cho tên thợ vẽ Mao Diên Thọ. Mao Diên Thọ trả thù bằng cách khi vẽ hình Chiêu Quân xong, y thêm một chấm đen dưới con mắt của cô. Sách tướng nói chấm đen đó là nốt ruồi “thương phu trích lệ” (Giọt nước mắt khóc chồng), tức là tướng sát phu (giết chồng).

Khi gọi Chiêu Quân lên để đưa sang xứ Hung Nô, nhà vua thấy Vương Tường đẹp quá, muốn giữ lại, nhưng ngại triều thần, đành phải cho đi mà lòng tiếc rẻ.

Về cái chết của Chiêu Quân có nhiều giả thuyết khác nhau:

a)- Đến “Nhạn Môn Quan”, Chiêu Quân gieo mình xuống sông tự vẫn. Khi đi qua cửa ải cuối cùng này, Chiêu Quân cảm tác nhiều bài thơ hay, hòa cùng tiếng đàn của Chiêu Quân, trở thành điển tích Hồ Cầm.

*Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương*

là hai câu thơ nói về tài đàn của Thúy Kiều (truyện Thúy Kiều)

b)- Chiêu Quân đến đất Hồ, nàng yêu cầu vua Hồ giết chết gian thần Mao Diên Thọ, rồi sau đó nàng tìm cách tự tử, nhảy xuống sông để xác nàng theo dòng trôi trở về đất Trung Nguyên.

c)- Một thuyết khác cho rằng Chiêu Quân đã sống một thời gian dài bên Hung Nô.

Chiêu quân đã góp phần mang lại hòa bình trong 60 năm giữa nhà Hán và Hung Nô.

Phải nhờ đến sự hy sinh của một người đàn bà để vua quan dân chúng Tàu được yên thân, có thể đó là điều không vinh dự gì cho người Tàu và cho cả lịch sử Tàu.

Người Việt Nam khéo léo phê phán bằng một bài thơ:

Vương Tường oán triều đình (1)

Vật chi muông cỏ dám lẳng loạn?

Âu hẳn trong triều ít kẻ ngoan? (2)

Mặt thấy thư Hồ, vẫn võ mặt, (3)

*Tai nghe nhạc bắc, võ run gan.
Mỡ thơm luống để nuôi thù khấu? (4)
Bùn sũng nào hay đắp ải quan?
Vực nước ví dầu tài Vệ, Hoắc, (5)
Tanh hôi chi để lụy hồng nhan ?*

ghi chú:

1)- Vương Chiêu Quân là cung nữ của vua Hán Nguyên Đế, gả Chiêu Quân cho chúa Hung Nô để đổi lấy quan hệ hòa hiếu. Nàng chịu sang Hung Nô nhưng cuối cùng vì buồn thương và uất hận nàng đã tự vẫn.

2)- Câu thơ 3 và 4: Sự hèn nhát của các quan trong triều.

3)- Chỉ Diên Thọ, tên thợ vẽ gian tham

5)- *Thù khấu*: Kẻ thù

5)- *Vệ, Hoắc*: Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, hai người đánh tan được quân Hung Nô (đời Hán)

Năm 1309, Huyền Trân Công chúa về Chiêm quốc với Chế Mân. Triều thần có người không thuận. Trong dân chúng có bài thơ nói về việc Chiêu quân công Hồ để ám chỉ việc gả công chúa Huyền Trân.

Vua Hán dụ Vương Tường gả cho chúa Thuyền Vu

*Hán Hồ dẫu muốn vẹn trăm đường
Há trẫm riêng tây có phụ nường
Bắc quốc tuy rằng ngoài dị vực
Biên đình song cũng một biên cương
Ở đây hạnh thắm nên mai nhạt
Về đây sen tàn lỏi cỏ hương
Hơn thiệt tôi đừng ai oán nữa
Chờ ngày áo gấm lại hoàn hương.*

Việc ví von như thế này là khiên cưỡng. Hành động của Huyền Trân Công Chúa cao quý hơn hành động của Vương Tường nhiều!

Quang Dũng có bài thơ chê vua Hán như sau:

*Tuyết lạnh che mờ trời Hán Quốc
Tì bà lạnh lạnh buốt cung Thương*

*Tang tình năm ngón sầu dâng lệ
Chiêu Quân sang Hồ xử hồ xang*

*Đây Nhận Môn Quan đường ải vắng
Trường Thành xa lắm Hán Vương ơi!
Chiêu Quân che khếp mền chiến bạch
Gió bắc trời Phiên thấm lạnh rồi*

*Ngó lại xanh xanh triều Hán Đế
Từng hàng châu lệ thấm chiến nhung
Quân vương chắc cũng say và khóc
Ái khanh! Ái khanh! Lời nghe nùng*

*Hồ xang hồ xang xử hồ xang
Chiêu Quân nàng ơi lệ dâng hàng
Lã chã trời Phiên mưa tuyết xuống
Chiêu Quân sang Hồ, xử hồ xang.*

Tản Đà có bài văn tế

Nguyễn Thiện Kế dịch ra Nôm

*Cô ơi, cô đẹp nhất đời
Mà cô mệnh bạc, thọ trời cũng thua
Một đi, từ biệt cung vua
Có về đâu nữa, đất Hồ nghìn năm!*

3)- *Trường Hận Ca: thiên tình hận giữa Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi*

*Khi xưa ta là Đường Minh Hoàng
Ta mơ nàng làm Dương Quý Phi
(Diễm Trang - Vũ Hân)*

Dương Quý Phi (719- 756, sau CN) là cung phi của vua Đường Minh Hoàng, một trong “tứ đại mỹ nhân”, sắc đẹp khiến hoa héo vì hổ thẹn (*tu hoa*).

Dương Quý Phi tên thật là Dương Nguyệt Nhi, sau gọi là Dương Ngọc Hoàn, quê ở Tứ Xuyên. Năm 17 tuổi, Ngọc Hoàn được tuyển vào cung

làm vợ Thọ Vương Lý Mão, con vua Đường Minh Hoàng. Lý Mão còn nhỏ lắm.

Khi ấy, Vũ Huệ phi, rất được Đường Minh Hoàng sủng ái, mới qua đời. Vua Đường thương nhớ vô cùng.

Cao Lục Sĩ bèn lập mưu, đưa Ngọc Hoàn vào chùa chăm sóc nhang khói cho Vũ Huệ Phi. Sau đó, đưa Ngọc Hoàn vào chầu Đường Minh Hoàng. Nhà vua được Ngọc Hoàn, bèn say mê, phong làm Quý Phi, gọi là Dương Quý Phi. Như vậy, có nghĩa là Dương Quý Phi lấy cha chồng.

Dương Quý Phi thường đi tắm suối ở Tây An. Nay ở đây người ta dựng tượng Dương Quý Phi tắm suối để kỷ niệm (xem hình)

Câu chuyện tình Lý Bạch và Dương Quý Phi

Lý Bạch là người nổi tiếng hay thơ. Ai cũng ca ngợi. Riêng Cao Lục Sĩ và Dương Chấp Trung, anh của Quý Phi, chê rằng tài Lý Bạch chỉ đáng mài mực và cời giày cho thiên hạ.

Bấy giờ vua Hung Nô gửi thư cho vua Đường Minh Hoàng bằng tiếng Hung Nô. Triều thần không ai đọc được, vua phải triệu Lý Bạch vào. Lý Bạch đọc thư và giải thích cho vua nghe. Vua rất tán thưởng, lệnh cho Lý Bạch viết thư trả lời. Bạch vâng mệnh nhưng để trả mỗi hận bị chê bai, xin vua ra lệnh Cao Lục Sĩ cời giày và Dương Chấp Trung mài mực cho ông ta viết thư.

Dương Quý Phi và Lý Bạch là người cùng thời. Lý Bạch cũng được Đường Minh Hoàng trọng vì tài, thường vời vào cung cùng vua và Dương Quý Phi ngắm hoa, ngắm cảnh và làm thơ. Bạch Cư Dị làm thơ tả sắc đẹp Dương Quý Phi, có hai câu đời sau còn nhắc nhở:

Phù dung như điện, liễu như mi

nghĩa là mặt như hoa phù dung, mày như lá liễu.

Về sau, Đường Minh Hoàng không còn trọng đãi Lý Bạch nữa, ông xin cáo quan, chỉ xin một điều, vua ban cho một lệnh bài, đi đến đâu, uống rượu khỏi trả tiền. Chủ quán nhận tiền ở quan lại địa phương.

Một đêm, Lý Bạch chơi thuyền trên sông, quá say, thấy trăng ở đáy nước, bèn nhảy xuống sông, ôm trăng mà chết.

Tôi không tin câu chuyện này. Quan hệ giữa Lý Bạch và Dương quý Phi có thể quá gần gũi, không khiến cho Đường Minh Hoàng ghen hay sao?! Vì vậy, khi Đường Minh Hoàng không ái mộ Lý Bạch nữa nên Bạch buồn tình xin cáo quan. Biết đâu, cái đêm trăng Lý Bạch chết, không phải ông ta nhảy xuống sông mà có thể một tên nào đó, giả dạng theo hầu Lý Bạch, đập cho ông ta một đập rớt xuống sông, để Đường Minh Hoàng thỏa mãn được việc ghen tuông.

Chuyện đã gần hai ngàn năm. Thuở ấy, sợ vua, ai dám điều tra. Ngày nay dù tôi “ăn ốc nói mò”, biết đâu lại là chuyện thiệt!!!

Sắc đẹp Dương Quý Phi

Như đã nói, sắc đẹp của Dương Quý Phi được Bạch Cư Dị mô tả là “*Phù dung như điện, liễu như mi*”. Xin nói thêm, hoa phù dung là tên chữ. Tiếng Việt gọi là bông cần, người Bắc gọi là hoa dâm bụt.

Lý Bạch trong “*Thanh Bình Điệu*” ca tụng sắc đẹp của Ngọc Hoàn.

*Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung,
Xuân phong phật hạm, lộ hoa nùng.
Nhược chi quần ngọc sơn đầu kiến,
Hội hướng Dao đài nguyệt hạ phùng.*

Ngô Tất Tố dịch:

*Thoáng bóng mây hoa, nhớ bóng hồng.
Gió xuân diu dặt giọt sương trong
Ví chẳng non ngọc không nhìn thấy,
Dưới nguyệt đài Dao thử ngóng trông.*

Lại trong “*Trường Hận Ca*”, nói về mối hận tình giữa Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi (vua ra lệnh giết cô ta), Bạch Cư Dị viết về Dương Quý Phi như sau:

*Qui lai trì uyển giai y cựu
Thái Dịch phù dung Vị Ương liễu;
Phù dung như điện liễu như mi
Đối thử như hà bất lệ thù?*

Cũng trong bài thơ, tả tình vua Đường Minh Hoàng nhớ Dương Quý-Phi có câu:

“Phù-dung như diện liễu như my” nghĩa là hoa phù-dung như mặt, lá dương-liễu như mày.

Tản Đà dịch:

*Phù dung đó! Mặt ai đâu tá?
Mày liễu đâu? Cho lá còn như!
Càng trông hoa liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.*

Nhà thơ Đinh Hùng tán tụng:

...
*Thoáng nét sương, nụ cười in khuôn ngọc,
Em băng khuôn hé nửa cặp môi hồng,
Mắt nhắm nghiền, và sóng ngực rung rung,
Hơi thở ấm nồm nùng hương phấn đại ...
(Giáp Mặt Phù Dung)*

Phù dung, trong tiếng Việt, cũng có nghĩa là “hút thuốc phiện”, có khi gọi là “Ả Phù Dung”. Đinh Hùng là một đệ tử của “Ả”.

Khi ở cung, Dương Quý Phi thường nhớ nhà. Một hôm ra vườn ngự uyển, nhằm lúc hoa đang nở rộ. Thấy hoa, Dương Quý Phi than thở phận mình, nước mắt tuôn rơi. Khi Phi đưa tay sờ vào hoa, hoa khép cánh lại. Do câu chuyện này, sử Tàu gọi Dương Quý Phi là “người đẹp tu hoa”, nói theo thành ngữ là “hoa nhường nguyệt thẹn”.

Có người không tin câu chuyện hoa này, cho rằng thiên hạ vẽ vờ, biết đâu Dương Quý Phi sờ nhằm vào cây mắc cỡ, vắn vẻ thì gọi là cây trinh nữ.

Dương Quý Phi đã đẹp lại có tài gảy tì bà, giỏi về âm nhạc. Nàng lại đặt được nhiều khúc hát và điệu múa làm cho Huyền Tông càng thích thú say sưa hơn.

Loạn An Lộc Sơn

An Lộc Sơn (ALS), gốc là người “Rợ Đột Quyết” là tướng được Đường Minh Hoàng yêu vì. Khốn nỗi, Dương Quý Phi lại tư thông với ông

tướng đẹp trai này. An Lộc Sơn thù ghét Dương Quốc Trung, anh của Dương Quý Phi. Ông này dựa vào thế em gái, lộng quyền ở cung. An Lộc Sơn đem quân về Trường An, quyết dẹp bỏ gian thần.

Quân của An Lộc Sơn đánh bại quân của triều đình.

Vua Đường Minh Hoàng phải nhường ngôi cho con để lên làm thái thượng hoàng. Tuy vậy, quân của triều đình vẫn liên tiếp bị đại bại. Thượng hoàng cùng Dương Quý Phi chạy vào đất Thục.

Đến Mã Ngôi (năm 756), binh lính không chịu chống giặc nữa. Chúng buộc nhà vua phải giết Dương Quý Phi mới chịu tuân lệnh vua vì cho rằng chính sự giam cầm giữa Dương Quý Phi với An Lộc Sơn gây nên mối loạn này.

Vì sức ép của binh lính, Đường Minh Hoàng ra lệnh thắt cổ Dương Quý Phi, lúc ấy bà mới 38 tuổi, chôn xác ở ven đường.

Sau đó vua quan nhà đường dẹp được loạn An Lộc Sơn, giành lại đất đai cũ.

Dương Quý Phi là giai nhân. Câu chuyện tình giữa bà và An Lộc Sơn không phải là do sự dâm dục mà ra? Vua thì đã già, lại từng hoang dâm vô độ, làm sao “gánh” Dương Quý Phi đang tuổi hồi xuân.

Sự dâm dục đã tạo nên một thiên tình hận, mà Bạch Cư Dị gọi là “Trường Hận Ca”. Không ít người tiếc cho cái sắc đẹp của bà, nên cũng không ít người làm thơ.

Người xưa đâu thì tận mắt tôi không thấy, nhưng thi sĩ Vũ Hân khi dạy trường Bồ Đề Huế thì tôi gặp không ít lần, gặp ngoài đường phố, hay ở tòa soạn báo Mùa Lúa Mới hay ở nhà thi sĩ Đỗ Tấn. Nhìn ông thấy mà tội nghiệp. Ông bị tật bẩm sinh, đi đứng không bình thường. So sánh ông với Đường Minh Hoàng thì cũng là khiên cưỡng. Và ông cũng có một Dương Quý Phi. Điều đáng buồn là sau khi Việt Cộng “giải phóng miền Nam”, ông bị đuổi khỏi trường Bồ Đề, và Dương Quý Phi của ông cũng “ôm cầm thuyền ai”, theo một An Lộc Sơn “nón cối dệp râu”. Ông chết trong cảnh nghèo đói, cô đơn (xem phụ lục)

Ông cũng từng mơ Dương Quý Phi hay sao nên ông ước:

*“Khi xưa ta là Đường Minh Hoàng
Ta mơ em là Dương Quý Phi.”*

4)- Ngô Phù Sai mất nước vì Tây Thi?

Sự ưu ái của Ngô Phù Sai đối với Tây Thi, trong sử sách cũng ít thấy ai sánh bằng. Để làm vui lòng giai nhân, vua sai:

Dựng “*Cô Tô đài cung Quán Khuê ở núi Linh Nham, trang sức toàn bằng châu ngọc để làm chỗ cho Tây Thi ra chơi.*”

“*Ở đây có lập ra Hưởng Điệp lang. Tại sao lại gọi là Hưởng Điệp? Điệp là chiếc guốc. Nguyên là người ta đào hầm ở dưới đất chỗ hành lang, đặt ở đây rất nhiều chum, bên trên lát ván, để Tây Thi và cung nhân đi guốc lượn ở đây, tiếng kêu leng keng, cho nên gọi là hưởng điệp.*”

“*Trên núi có hồ Ngoạn Hoa, ao Ngoạn Nguyệt.*”

“*Lại có giếng gọi là giếng Ngô Vương, nước trong suốt, Tây Thi thường đứng ở trên mà soi mặt, Phù Sai đứng ở bên cạnh, sẽ lấy tay vuốt tóc cho Tây Thi.*”

“*Lại có động gọi là động Tây Thi, Phù Sai và Tây Thi cùng ngồi ở đây, đá ở ngoài cửa động có nhiều chỗ sứt, nay người ta gọi là vết chân Tây Thi.*”

“*Trên núi lại có Cẩm Đài, Phù Sai thường cùng với Tây Thi gảy đàn ở đây.*”

“*Phù Sai lại sai người trồng hoa ở Hương Sơn, để Tây Thi và cung nhân chở thuyền đi hái hoa. Nay vẫn còn một dải nước ở phía nam núi Linh Nham, đó tức là chỗ Tây Thi hái hoa ngày xưa.*”

“*Lại có Thái Liên hình ở phía đông nam thành đô, đó là chỗ Phù Sai cùng Tây Thi hái sen.*”

“*Phù Sai lại bắt đào một con sông nhỏ ở trong thành, từ nam sang bắc, rồi làm cái buồm gấm để đi chơi thuyền, gọi là Cẩm Phàm hình.*”

“*Phía nam đô thành có Trường Châu uyển, để làm nơi săn bắn.*”

Lại có Ngư Thành để nuôi cá,

Áp Thành để nuôi vịt,

Kê Bi để nuôi gà,

Tửu Thành để nấu rượu.”

“*Lại thường cùng với Tây Thi ra nghỉ mát tại Nam Loan ở Tây động đình, đó là một cái vịnh độ hơn mười dặm, ba mặt đều là núi, chỉ có mặt nam*”

trông như cửa khuyết. Phù Sai cho chỗ ấy là một nơi có thể qua mùa hè được, mới đặt tên là chỗ Tiên.

Tây Thi người nước Việt, sống vào thời Xuân Thu, 506 trước CN, không rõ mất lúc nào, năm nào, ở đâu, là một trong “tứ đại mỹ nhân” của Tàu.

Khi cô gái giặt áo bên bờ sông, bóng soi trên mặt nước sông trong suốt làm thêm xinh đẹp. Cá nhìn thấy nàng, say mê đến quên cả bơi, dần dần lặn xuống đáy sông. Từ đó, người trong vùng xưng tụng nàng là “Tây Thi Trầm Ngư”.

Ngô Việt đánh nhau, Việt Câu Tiễn đại bại, bị bắt. Văn Chủng, quân sư của Việt Câu Tiễn, hiến kế mỹ nhân để lung lạc, làm suy yếu nước Ngô.

Câu Tiễn tuyển hai ngàn mỹ nữ dâng cho Phù Sai, trong đó, đẹp nhất là Trịnh Đán và Tây Thi.

Tây Thi góp công lớn trong việc làm cho Ngô Phù Sai ham mê tửu sắc, bỏ bê triều chính, nên Việt Câu Tiễn phục hận, giành lại đất nước.

Sau khi đại thắng, vợ Việt Câu Tiễn muốn mưu hại Tây Thi vì sợ Câu Tiễn sẽ mê say cô ta mà đi vào con đường như Phù Sai.

Tây Thi và Phạm Lãi có tư tình với nhau từ trước nên cả hai trốn vào Ngũ Hồ, về sau không ai biết hai người đi đâu. Có người bảo rằng Tây Thi đã tự vẫn.

Tô Đông Pha có bài thơ về Tây Thi:

*Thủy quang liễm diễm tình phương hảo
Sơn sắc không mông vũ diệc kỳ
Dục bá Tây Hồ tĩ Tây Tử
Đạm tran nông mật tổn tươngt nghi*

*(Nước dập dờn bừng khi nắng dọi,
Nước nhạt nhoà xanh lúc mưa về
Tây Hồ ví tựa Tây Thi
Điểm tranh đạm nhạt vẽ gì cũng xinh*

Người ta thường cho rằng Ngô Phù Sai mất nước là vì Tây Thi. Vì vậy, La Ôn minh oan cho Tây Thi bằng mấy câu thơ:

*“Nước mất nhà tan bởi cơ trời
Sao cứ Tây Thi đổ tội hoài
Tây Tử nếu làm Ngô mất nước
Thì xưa Việt mất bởi tay ai?”*

5)- Khúc Ca Tần Hoài

*(Ai luyến, ai tiếc Khúc Ca Tần Hoài -
Dương Thiệu Tước - Đêm Tần Bến Ngự)*

Trần Hậu Chủ tên thật là Trần Thúc Bảo (553-604), nhà Hậu Trần thời Nam - Bắc triều bên Tàu.

Ông nổi tiếng là người tài tử phong lưu, ưa đàn hát vui chơi, trong cung lúc nào cũng có hàng ngàn mỹ nữ giai nhân, nổi tiếng nhất là Khổng Quý Tần và Trương Lệ Hoa, hai người rất được nhà vua sủng ái.

Vua cho xây điện Quang Chiêu, toàn bằng gỗ trầm hương để cùng các tài tử giai nhân xướng họa thơ phú, vui ca đàn hát.

Những bài thơ khúc hát soạn ra được chép thành 3 tập là: Nghinh Xuân nhạc, Ngọc Thu và Hậu Đình Hoa (Hoa ở sân sau). Riêng tập Hậu Đình Hoa toàn sưu tập những bài bay bướm, bóng bẩy, dâm đảng. Những cuộc vui này làm cho nhà Trần suy vi.

Trần Hậu Chủ cũng soạn một khúc hát Hậu Đình Hoa:

Nguyên tác là:

*Lệ vũ phương lâm đối cao các
Trân trang điểm chất bản khuyh thành,
Ánh hộ ngưng kiều sa bất tiến,
Xuất duy hàm thái tiểu tương nghinh.
Yêu cơ kiểm tự hoa hàm lệ,
Ngọc thu lưu quang chiếu Hậu Đình.*

Nghĩa:

Bóng rợp hương thơm chốn lầu các,

*Nghiêng thành vẻ đẹp với màu tươi.
Ngoài cửa dịu dàng khoan dạo bước
Trước màn chào đón mỉm môi cười,
Má hồng tựa đóa hoa đầy mót
Cây ngọc sân sau chiếu sáng ngời*

Vua Văn Đế nhà Tùy thừa dịp nhà Hậu Trần này, sai đem quân sang vây Đại Thành. Giữa lúc ấy, Trần Hậu chủ còn đương say rượu, chưa tỉnh.

Nhà Hậu Trần bị diệt vong, người ta cho rằng sở dĩ nước mất nhà tan cũng do khúc hát “Hậu Đình Hoa” ấy,

Đỗ Mục, nhân một đêm ghé thuyền trên bến Tàn Hoài, gần một quán rượu. Đêm đã khuya mà bấy giờ trong quán, khách còn say sưa ăn uống, bên cạnh những ả buôn son bán phấn hát xướng để mua vui cho khách.

Lắng nghe giọng hát réo rắt bên kia sông, Đỗ Mục làm bài thơ, thường gọi là Tàn Hoài Dạ Bạc

Nguyên văn:
*Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,
Dạ bạc Tàn hoài cận tửu gia.
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng "Hậu Đình Hoa"*

*Khói bay, nước lạnh, khói trắng pha,
Thuyền đậu sông Tàn cạnh Tửu gia.
Hận nước gái buôn không biết rõ,
Cách sông còn hát “Hậu Đình Hoa”.*

Trong “Cung Oán Ngâm Khúc” của Nguyễn Gia Thiều ở nước ta, cũng có câu:

*Vườn Tây Uyển khúc trùng thanh dạ,
Gác Lâm Xuân điệu ngã Đình Hoa.
Thừa ân một giấc canh tà,
Tờ mờ nét ngọc, lặt lẻo vẻ son.*

Trong bài hát “Đêm Tàn Bến Ngự” của Dương Thiệu Tước có câu...

*Thuyền mơ trong khúc Nam Ai,
Đàn khuya trên sông ngân dài.
Ai luyến, ai tiếc khúc ca Tần Hoài!*

Khúc ca Tần Hoài chính là khúc Tần Hoài Dạ Bạc nói ở trên.

Sông Hoài, còn gọi là Hoài Hà, Hoài Thủy, lớn thứ ba sau Dương Tử và Hoàng Hà, không chảy ra biển mà đổ nước vào sông Dương Tử. Sông chảy qua Tần Hoài là một quận của Nam Kinh.

6)- Điêu Thuyền

*“Bọn ta đều chết cả về tay người đàn bà này”
(Lý Nho, mưu sĩ Đông Trác)*

Đông Trác lộng quyền. Vương Doãn muốn trừ bèn lập mưu với Điêu Thuyền là con gái nuôi, hát hay, đàn giỏi, sắc đẹp khiến trượng phu xấu hổ mà dẫu mình đi (“bế nguyệt”), Cung Oán Ngâm Khúc gọi là “Hương trời đắm nguyệt say hoa). Điêu Thuyền là một trong “tứ đại mỹ nhân”.

Vương Doãn gả Điêu Thuyền cho Đông Trác, nhưng xúi Điêu Thuyền ngoại tình với Lã Bố, con nuôi Đông Trác. Thế rồi hai cha con Đông Trác - Lữ Bố giết nhau.

Đông Trác bị giết rồi, dân chúng thoát khỏi ách cai trị tàn ác.

Đông Trác mê say tiếng đàn, giọng hát, ánh mắt của Điêu Thuyền được mô tả như sau:

*Nhất điểm anh đào khai giáng thân.
Lưỡng hàng toái ngọc phún dương xuân.
Đinh hương thiết thổ hành cương kiếm.
Yêu trảm tà gian loạn quốc thần!*

Dịch:

*Một đóa anh đào chúm chím môi,
Đôi hàng răng ngọc rạng xuân tươi.
Hương đưa đầu lưỡi tâng hơi kiếm:
Chém chết gian thần có lúc thôi!*

Bài hát ca ngợi vẻ đẹp Điêu Thuyền:

*Phải người cung cũ Chiêu Dương?
Xiêm y mây cuốn vương vương cánh hồng
Nhẹ nhàng mình liễu như bông,
Gót hài uyển chuyển trên lòng bàn tay
Động đờn lạc lối hoa bay,
Lương châu thoăn thoắt sen cài bước chân
Nhà vàng gió cợt cành xuân,
Trăm hoa nhường vẻ thanh tân một người!*

Mao Tôn Cương trong “Thánh Thán Ngoại Thư” bàn về Điêu Thuyền như sau:

“18 lộ quân chư hầu không giết nổi Đông Trác, mà một thiếu nữ đào tơ liễu yếu như Điêu Thuyền lại giết nổi Trác.

Ba anh em Lưu, Quan, Trương hùng liệt không thắng nổi Lữ Bố, mà chỉ một nàng Điêu Thuyền thắng nổi.

*Ôi, lấy chăn chiếu làm chiến trường,
lấy son phấn làm khô giáp,
lấy mào ngải làm cung nỏ,
lấy nước mắt nũng nịu làm tên đạn,
lấy lời tình tứ ngọt ngào làm chiến lược mưu cơ.*

Xem thế thì cái bản lĩnh của “nữ tướng quân” quả là tuyệt cao cường, đáng sợ thay!”

Chuyện vặt:

- Tề Tuyên Vương:

Vua Tuyên-vương nước Tề trong khi nói chuyện trị nước (chính-trị) với thầy Mạnh-tử, có nói câu “Quả-nhân hữu-tật, quả nhân hiếu sắc (kẻ quả-nhân (tự xưng) này có tật, kẻ quả-nhân này hiếu sắc). Đó chỉ là một câu nói ví-dụ ở trong việc chính-trị, mà đây dùng lối “đoạn chương thủ nghĩa” (cắt câu lấy nghĩa) cho thêm lý thú khôi hài. Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên, tức bệnh ưa sắc đẹp của một đấng quân-vương.

*Tài-sắc đã vang-lừng trong nước,
Bướm-ong càng xao-xác ngoài hiên,
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng.*
(Cung Oán Ngâm Khúc- Ôn Như Hầu)

- Thành Thái

Vua Đồng Khánh mất, ông Bửu Lân lên nối ngôi, hiệu là Thành Thái. Vua thành Thái là người tiến bộ, chọn Tây học, và cũng âm mưu chống Pháp, giành độc lập.

Để chuẩn bị công việc này, nhà vua thành lập một đội nữ binh (lập nam binh sợ Tây lưu ý). Ông thường đi vi thiềng tìm người, giả bộ nói là đi tìm người ông yêu. Do đó, trong dân chúng Huế có câu ca dao, có người nói là do nhà vua đặt ra:

*Kim Luông có gái mỹ miều
Trăm thương, trăm nhớ, trăm liêu, trăm đi.*

Kim Luông, là nói trại tên làng Kim Long, phía tây ngoại thành Huế, làng trù phú, có nhiều nhà quan, cũng là nơi có họ đạo của ông giám mục Gaspar là “tên thực dân mặc áo chùng đen” như cách thường gọi của người Huế.

Dù vậy, việc làm của vua Thành Thái cuối cùng cũng bị bại lộ. Người ta nói chính Trương Như Cương, quan to trong triều, biết việc này, liền báo cho Tây biết, để lật đổ vua Thành Thái mà đưa con rể của ông là Bửu Đáo, lên làm vua, tức là Khải Định.

Cũng có người nói con gái Nguyễn Thân, cung phi, cũng ở trong đội nữ binh, bị thương khi tập đánh gươm. Nguyễn Thân vào thăm con, biết việc bèn báo cho Tây để lập công. (Theo sử, Nguyễn Thân là đại Việt gian. Theo ông Nguyễn Đức Cung, Nguyễn Thân là nhà ái quốc!)

Tây không đủ lý do truất phế ông về việc chống Tây bèn ngụy tạo lý do, bảo rằng ông bị bệnh điên, hoang dâm, không làm vua được.

Tây nói đúng hay dư luận dân chúng Huế đúng?

- Ngô Tam Quế

Ngô Tam Quế làm tướng nhà Minh, được giao nhiệm vụ trấn giữ Sơn Hải Quan là biên giới giữa lãnh thổ nhà Minh và Mãn Thanh. Bảy giờ thế lực nhà Thanh ở Mãn Châu mạnh lắm, muốn cướp Trung Nguyên nhưng không vượt được Sơn Hải Quan.

Bảy giờ ở kinh thành có loạn, Lý Tự Thành đã diệt được nhà Minh, dự tính sẽ lên làm vua, cho người liên minh với Ngô Tam Quế. Tam Quế có một người thiếp yêu ở kinh đô, bị một tướng của Lý Tự Thành cướp mất. Vì vậy, Ngô Tam Quế tức giận, bỏ Sơn Hải Quan, liên hợp cùng quân Thanh kéo về kinh đô để trừng trị kẻ đã cướp người thiếp của y. Nhờ đó, nhà Thanh lên ngôi ở Bắc kinh, cai trị Trung nguyên 300 năm. Người Tàu không ngo ngoe gì được, phải chờ đến cuộc cách mạng Tân Hợi để “nồi da xáo thịt” cho tới khi Tưởng thua chạy ra Đài Loan. (xem phụ lục trích từ “Sử Trung Quốc” của Nguyễn Hiến Lê)

Dĩ nhiên, người được mê phải là người đẹp, còn như nói yêu người xấu, không hẳn là không có, nhưng có thể coi như đó là ngoại lệ, ít khi.

Dã sử còn nhắc chuyện vua nhà Lý gặp Ý Lan phu nhân. Bà xấu đẹp không biết nhưng mặt lại rỗ. Khi bị bắt tới “trình diện” vua Lý, thấy mặt nàng, vua bảo sẽ ra một câu đối, nếu đối được thì vua tha tội “khi quân” vì không chịu quì xuống, đứng dựa (ỷ) vào cây “lan” khi kiệu vua đi qua. Câu vua ra là:

Rỗ chàng, rỗ chịt, rỗ chín mươi mười

Cô gái đối là:

Yên nước, yên dân, yên luôn bốn bề.

Mê? Người đàn ông mê gái, mê vợ bé, ít ai mê vợ cả. Vì vậy mới có câu ca dao:

*“Gió đưa bụi chuổi, sau hè,
Anh theo vợ bé bỏ bè con thơ”*

Câu thơ đầu thuộc thể hứng. Người vợ đêm nằm nghe tiếng lá chuổi xào xạc sau hè, khó ngủ nên nhớ tới người chồng bạc bẽo.

Thôi! xin bà ngủ đi bà vợ cả. Sở dĩ bà bị chồng phụ là vì bà lớn tuổi rồi, bà già rồi, bà là “gái xè” năm, ba mặt con rồi, bà chỉ còn là:

*Chàng ơi phụ thiếp làn chi
Thiếp là cơm nguội để khi đói lòng.*

Chỉ là “cơm nguội” thôi!!!

&

Tứ đại mỹ nhân và hầu như gần hết người đẹp nước Tàu, nước ta, nước Nhật... có mấy ai được “trường thọ”. Người thương cũng nhiều mà người ghét cũng không ít. Thậm chí, nhiều khi cây cỏ cũng ghen.

Trong “Tần Cung Nữ Oán Bái Công Văn” có câu:

*“Cặp mày xanh chiếc lá cũng ghen,
Câu khiến hứng đánh chìm dòng nước chảy”*

Chiếc lá ghen với đôi mày đẹp, nên khi cung nữ viết vào lá vài câu thơ, thả xuống giòng suối trong cung, nhờ lá trôi ra ngoài cung cấm, để lời tâm sự của cung nữ được ai đó ở ngoài kia nhặt lá lên xem mà biết tới. Nhưng lá vì ghen sắc đẹp với cung nữ, không trôi đi mà chìm xuống đáy nước.

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du nói rõ hơn: “Hoa ghen sắc thắm, liễu hờn kém xanh”.

Cô Kiều không chết sớm, nhưng cô phải chịu 15 năm lưu lạc.

Xưa thì cho người tài giỏi và người đẹp đều mệnh yếu như nhau:

*“Giai nhân tựa cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”.*

(Danh tướng cũng như giai nhân,
không hứa ở với đời đến khi đầu bạc)

Ngay thế kỷ 20, nhà thơ Jan Leiba cũng đồng ý như như vậy:

*“Người đẹp thường hay chết yếu
Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai!”*

Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Quách Thoại qua đời khi chưa quá tuổi ba mươi!

Xưa gọi là “tài mệnh tương đố”. Ngày nay, tôi không tin như vậy. Tin vào số mệnh, chỉ là điều an ủi...

TUỆ CHƯƠNG HOÀNG LONG HẢI

Trích một đoạn trong sách *Sử Trung Quốc* của học giả Nguyễn Hiến Lê:

Ngô Tam Quế được lệnh về cứu kinh đô từ mười ngày trước, vẫn chùng chình, tiến binh rất chậm, có lẽ vì còn tính xem có nên nhận đề nghị chia chác sau đó của Lý Tự Thành không. Khi Tư Tôn (tức Sùng Trinh Hoàng đế) tuần quốc, thì Quế mới tiến được có nửa đường tới Bắc Kinh. Hay tin, hấn quay trở về liền để chờ xem tình thế ra sao.

Lý Tự Thành đã thành công một cách dễ dàng... Duy có Ngô Tam Quế là có thể gây rối cho ông. Ông nhờ cha của Quế (lúc đó đã theo ông) làm trung gian để điều đình với Quế. Nhưng Quế vẫn không quyết định gì cả, có lẽ muốn đợi Lý Tự Thành trả cho mình một á thiếp bị một tướng của Tự Thành bắt. Đồng thời Quế cũng thương thuyết với quân Thanh, nhờ quân Thanh giúp khi cần. Tự Thành hay tin đó tặng Quế 40.000 lượng (bạc?), Quế vẫn làm thình.

Bực mình, Tự Thành phái hai tướng đem 20.000 quân tấn công Quế. Nhưng đáng lẽ phải cấp tốc đánh Tam Quế trước khi quân Thanh can thiệp, thì họ lại kéo dài ra. Tự Thành phải đích thân đem 200.000 quân đánh Quế ở gần Sơn Hải Quan, khi vây Quế ba mặt rồi, quân Quế sắp bị tiêu diệt thì quân Thanh tới cứu Quế. Tự Thành thua, rút lui, đề nghị chia giang sơn với Quế; Quế không chịu, Tự Thành giết cha Quế rồi vội vàng về Bắc Kinh (vì quân địch theo bèn gót) vợ vét vàng bạc, châu báu chất lên xe, đưa về phía Tây, đốt cung điện rồi cùng với quân đội rút lui...

Quế hy vọng đuổi được Tự Thành rồi, nhường cho nhà Thanh một số quyền lợi nào đó thì họ sẽ lui về Mãn Châu. Không dè viên phụ chính (Đa Nhĩ Cổn), chú vua Thanh bảo chưa lập được trật tự nên không về, lại sai Quế đem quân Thanh đuổi theo Lý Tự Thành tới Thiểm Tây. Trong khi đó, vua Thanh mới 7 tuổi được chú (tức viên phụ chính) đưa vào Bắc Kinh, đặt lên ngai vàng.

Quế hay tin như người mất hồn, suốt ngày đóng cửa không tiếp ai, rất rầu rĩ. Hấn tiếc vì mất á thiếp, lại mất ngôi vua hay chức Tể tướng. Hấn ân hận vì để cho cha bị giết và mang tội phản quốc..

Khóc Vũ Hân

(Vũ Hân, quê Quảng Nam, bị tật bẩm sinh, là một nhà thơ, - tác giả thi phẩm “Diễm Trang”, nhà giáo nổi tiếng ở trường Bồ Đề Huế. Sau 1975, ông bị buộc phải thôi dạy học, sống lây lất ở Saigon, vợ bỏ. Ông chết trong cảnh nghèo khó. Bài thơ này Hoàng Vũ khóc Vũ Hân khi nghe tin Vũ Hân qua đời).

Ức Vũ quân hề lệ mãn khâm
Trường Sơn Quảng địa nhất tinh trầm
Yên hoa phong bút, hồn như tại
Hà hướng tao nhân ảo tỵ trần

bản nôm:

*Thấm sâu lệ nhớ bao lần
Quê hương bỗng xót một vì sao rơi
Bút hoa gửi lại với đời
Đành sao anh vội về nơi chia đường.*

Nhất phiến tài tình vụn cổ thương
Nhàn văn độc khứ thế hà phương
Ô hô! Thế sự mai trường mộng
Hốt kiến trần khôi sở đoạn trường

bản nôm:

*Tài hoa một kiếp thân thương
Cánh mây biền biệt cuối đường phiêu du
Mộng trường chôn chặt nghìn thu
Màu tro xám lạnh bụi ngùi tâm can
Hoàng Vũ*

Truyền Thuyết 1:

Tương truyền Chử Đồng Tử sống cùng cha là Chử Cù Vân tại Chử Xá huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chẳng may nhà cháy, mất hết của cải, hai cha con chỉ còn lại một chiếc khố phải thay nhau mặc. Lúc người cha lâm chung, ông gọi con lại bảo rằng hãy giữ chiếc khố lại cho bản thân. Thương cha nên Chử Đồng Tử liêm khố theo cha, mình thì chịu cảnh trần truồng khổ sở, kiếm sống bằng cách ban đêm câu cá, ban ngày dầm nửa người dưới nước, đến gần thuyền bán cá hoặc xin ăn.

Thời ấy vua Hùng Vương thứ ba có cô con gái tên là Tiên Dung đến tuổi cập kê mà vẫn chỉ thích ngao du sơn thủy, không chịu lấy chồng. Một hôm thuyền rồng của công chúa đến thăm vùng đó. Nghe tiếng chuông trống, đàn sáo lại thấy nghi trượng, người hầu tấp nập, Chử Đồng Tử hoảng sợ vội vùi mình vào cát lẩn tránh. Thuyền ghé vào bờ, Tiên Dung dạo chơi rồi sai người quây màn ở bụi lau để tắm, ngờ đâu đứng ngay chỗ của Chử Đồng Tử. Nước xối dần để lộ thân hình Chử Đồng Tử dưới cát. Tiên Dung kinh ngạc bèn hỏi han sự tình, nghĩ ngợi rồi xin được cùng nên duyên vợ chồng.

Vua Hùng nghe chuyện thì giận dữ vô cùng, không cho Tiên Dung về cung. Nàng biết ý nên cùng chồng mở chợ Hà Thám, đổi chác với dân gian. Buôn bán tấp nập, phồn thịnh, ai cũng kính thờ Tiên Dung - Chử Đồng Tử làm chúa. Một hôm có người bày cho cách ra ngoài buôn bán nhiều lãi, Tiên Dung khuyên chồng nghe theo. Chử Đồng Tử bèn theo khách buôn đi khắp ngược xuôi. Một hôm qua ngọn núi giữa biển tên Quyển Tiên. Chử Đồng Tử trèo lên am trên núi và gặp một đạo sĩ tên Phật Quang. Chử Đồng Tử bèn giao tiền cho khách buôn đi mua hàng, còn mình thì ở lại học phép thuật. Sau thuyền quay lại đón, Phật Quang tặng Chử Đồng Tử một cây gậy và một chiếc nón lá, dụ rằng đây là vật thần thông.

Về nhà, Chử Đồng Tử truyền mọi sự lại cho vợ. Tiên Dung giác ngộ bèn bỏ việc buôn bán, cùng chồng chu du tìm thầy học đạo. Một hôm tối trời, đã mệt mà không có hàng quán ven đường, hai vợ chồng dừng lại cắm gậy úp nón lên trên cùng nghỉ. Bỗng nửa đêm, chỗ đó nổi dậy thành quách, cung điện ngọc sung túc, người hầu lính tráng la liệt. Sáng hôm sau, dân chúng quanh vùng kinh ngạc bèn dân hương hoa quả ngọt đến xin làm bầy tôi. Từ đấy chỗ đó phồn thịnh, sung túc như một nước riêng.

Nghe tin, vua Hùng cho là có ý tạo phản, vội xuất binh đi đánh. Quân nhà vua đến, mọi người xin ra chống cự nhưng Tiên Dung chỉ cười và từ chối không kháng cự cha mình. Trời tối, quân nhà vua đóng ở bãi Tự Nhiên cách đó một con sông. Đến nửa đêm bỗng nhiên bão to gió lớn nổi lên, thành trì, cung điện và cả bầy tôi của Tiên Dung - Chử Đồng Tử phút chốc bay lên trời. Chỗ nền đất cũ bỗng sụp xuống thành một cái đầm rất lớn.

Nhân dân cho đó là điều linh dị bèn lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế, và gọi đầm đó là đầm Nhất Dạ (Đầm Một Đêm), bãi cát đó là Bãi Tự Nhiên hoặc *Bãi Mòn Trù* và chợ đó là chợ Hà Thị.

Truyền thuyết 2: Trọng Thủy, My Châu

Thục Phán An Dương Vương xây thành Cổ Loa, xây mãi không xong, vì có yêu quái phá hoại. Nhà vua bèn lập đàn cầu. Thần Kim Quy hiện ra, dạy yêu quái và chỉ cách nhà vua cách xây thành. Xây xong thành, thần Kim Quy còn tặng nhà vua một cái móng rùa để làm lẫy nỏ thần, bắn một phát ra hàng vạn mũi tên.

Nhờ nỏ thần, mấy lần Triệu Đà đem quân sang đánh đều bị đại bại. Triệu Đà bèn xin giao hòa rồi sai con trai là Trọng Thủy sang cầu hôn với con gái vua An Dương Vương là My Châu. Tâm ý của Triệu Đà là dùng con trai làm do thám.

Vô tình, An Dương Vương thuận nghị hòa và nhận lời cầu hôn của Trọng Thủy.

Trọng Thủy dò hỏi, My Châu kể lại cho chồng nghe chuyện chiếc nỏ thần.

Trọng Thủy nói với vợ muốn xem nỏ. Nghe lời chồng, My Châu lén lấy nỏ thần đưa cho chồng xem. Trọng Thủy bèn thay cái lẫy nỏ bằng một cái giả, rồi giả nói với vợ là nhớ nhà, xin phép về thăm cha mẹ.

Trước khi chia tay, Trọng Thủy hỏi vợ:

- “Trong lúc xa nhau, lỡ có giặc thì làm sao tìm nhau?”

My Châu nói:

- “Thiếp có chiếc áo lông ngỗng, khi chạy giặc, thiếp sẽ rải lông ngỗng dọc đường, chàng cứ theo dấu mà tìm thiếp.”

Triệu Đà được cái lẫy nỏ, bèn đem quân đánh Thục Phán. An Dương Vương tin vào nỏ thần, không phòng bị gì cả. Khi giặc đến chân thành, bèn lấy nỏ thần ra bắn, thấy nỏ không còn hiệu nghiệm, bèn đem My Châu lên ngựa, cùng chạy trốn. Chạy mãi vẫn thấy quân giặc đuổi theo sau.

Đến núi Mộ Dạ thì cùng đường, vua bèn khẩn cầu thần Kim Qui giúp đỡ. Thần hiện lên nói:

- “Giặc ngồi sau lưng bệ hạ đấy!”

Bấy giờ nhà vua mới hiểu ra, bèn rút gươm chém chết My Châu rồi nhảy xuống biển tự vẫn.

Thục Phán chết rồi, hóa thành con chim quốc, cứ đêm nhớ nước mà gọi “quốc, quốc” kêu đến sáng thì vỡ họng mà chết. Nguyễn Khuyến có bài thơ, ông làm ra khi nước ta bị Pháp mới đặt nền đô hộ:

Quốc kêu cảm hứng

*Khắc khoải sầu đưa giọng lững lơ
Ấy hồn Thục Đế thác bao giờ
Năm canh máu chảy đêm hè vắng
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ
Đêm đêm rờn rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ*

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” cũng có mấy câu, nhưng chữ nước của bà Huyện là ám chỉ “Lê Triều”. Trong văn học, các nhà phê bình phân loại bà thuộc nhóm “Hoài niệm Lê Triều”.

Qua đèo Ngang

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông rợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc! (X)
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia!
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta*

(X) Chim Quốc, (ở nhà quê thường gọi là chim Cuốc – “Ai xui con cuốc gọi vào hè” - Nguyễn Khuyến) và chim đa đa.

Sau khi tìm được vợ, Trọng Thủy đau đớn quá, trở về Loa Thành, nhảy xuống cái giếng trong đó mà chết.

Chuyện xưa cũng kể rằng, khi bị chém chết, máu của My Châu chảy xuống biển, những con trai ở biển Mộ Dạ (bên núi Mộ Dạ) ăn những máu ấy. Lấy hột trai của những con trai này, đem rửa với nước

giếng trong Loa Thành, nơi Trong Thủy tự tử, ngọc ấy sẽ sáng lên rất đẹp!!!????

Bệnh Giang Mai:

Anh em trai chúng tôi có 4 người, khi đến tuổi thành niên, mẹ tôi thường răn dạy, ngăn ngừa trong việc quan hệ nam nữ, sợ chúng tôi mắc bệnh phong tình, kỳ nhất là bệnh giang mai, gây họa đến mấy đời. Theo mẹ tôi nói, hiện tượng trẻ bị sốt môi là một ví dụ, do vi trùng giang mai gây ra. Vi trùng này tiềm ẩn nhiều thế hệ. Bệnh giang mai do sự kiện Dương Quý Phi bị hiếp dâm sau khi đã chết mà gây ra. Dù đã chết, nhưng Dương Quý Phi đẹp quá, làm cho binh lính nhà vua cũng động tình, mượn cớ trả thù, làm bậy trong lúc giặc giả hoảng loạn. Cũng do việc này, bệnh giang mai là tên độc trại của Dương Mai, phát xuất từ tên Dương Quý Phi.

Ngày nay, có lẽ y học chưa xác nhận sự kiện lịch sử này, nhưng có lẽ mẹ tôi cũng học được khi làm ở bệnh viện Quảng Trị, khi còn trẻ mẹ tôi làm việc ở đấy?

Việc này đúng không?